

THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ CHI TRONG 01 NĂM ĐỐI VỚI
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ
Tính đến thời điểm 30/7/2023
(Kèm theo Tờ trình của UBND Thành phố)

STT	Quận, huyện, thị xã	Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; Thôn thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền			Đối với thôn, tổ dân phố còn lại			Kinh phí chi trong 01 năm theo quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND (đơn vị tính: 1.000đ)
			Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn	Trưởng ban công tác Mặt trận	Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Trưởng ban công tác Mặt trận	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG	11.038	1.206	1.179	290	3.702	3.677	984	309.920.961
1	Hoàn Kiếm	373	0	0	0	131	129	113	7.604.835
2	Hai Bà Trưng	493	0	0	0	238	227	28	12.279.267
3	Ba Đình	354	0	0	0	151	183	20	8.792.196
4	Đống Đa	697	0	0	0	286	331	80	16.857.960
5	Tây Hồ	227	0	0	0	140	69	18	5.719.665
6	Thanh Xuân	470	0	0	0	153	220	97	10.203.606
7	Cầu Giấy	486	0	0	0	253	178	55	12.152.931
8	Hoàng Mai	701	0	0	0	209	373	119	15.515.640
9	Long Biên	518	0	0	0	225	193	100	11.825.247
10	Nam Từ Liêm	293	0	0	0	139	124	30	7.192.269
11	Bắc Từ Liêm	386	0	0	0	187	173	26	9.773.274
12	Hà Đông	632	0	0	0	257	237	138	14.054.880
13	Thanh Trì	194	71	62	9	27	19	6	7.345.254
14	Gia Lâm	315	120	101	22	36	30	6	11.932.830
15	Đông Anh	377	25	25	1	166	157	3	10.546.095
16	Sóc Sơn	432	88	81	53	92	92	26	11.306.085
17	Ba Vì	416	83	83	0	125	125	0	13.463.667
18	Sơn Tây	238	36	34	3	82	71	12	7.245.567
19	Thạch Thất	272	92	92	28	30	30	0	9.739.716
20	Phúc Thọ	364	64	56	8	133	91	12	11.146.191
21	Đan Phượng	269	60	46	6	75	73	9	8.547.420
22	Hoài Đức	304	98	72	9	65	58	2	10.360.539
23	Quốc Oai	264	61	86	35	34	33	15	7.189.308
24	Chương Mỹ	428	94	81	20	114	107	12	13.893.999
25	Thanh Oai	259	91	85	7	38	35	3	9.666.678
26	Thường Tín	226	13	97	33	11	69	3	12.396.720
27	Ứng Hoà	292	77	68	12	67	54	14	9.973.635
28	Phú Xuyên	281	0	0	0	142	119	20	6.880.377
29	Mỹ Đức	274	66	49	35	63	46	15	8.978.739
30	Mê Linh	203	67	61	9	33	31	2	7.336.371

Ghi chú: Theo Đề án 21-ĐA/TU ngày 16/9/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy, nhiều quận, huyện, thị xã bố trí Bí thư Chi bộ kiêm Tổ trưởng Tổ dân phố (Trưởng thôn); Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng ban công tác mặt trận, nên được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% phụ cấp chức danh kiêm nhiệm